

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BÀ RỊA  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 11-11-2019  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:***

Ông Nguyễn Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/9/2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*2. Bị đơn:* Ông Đỗ Kiến P1, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thúy P và ông Đỗ Kiến P1 tự nguyện chung sống có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào tại UBND phường L, thị xã B (nay là thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (giấy chứng nhận kết hôn số A quyền số A1 năm 2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung. Tuy nhiên đến đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra những rạn nứt mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do có những bất đồng về quan điểm cách sống, ông P1 không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, thường bỏ bê gia đình vợ con, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt, cả hai không tự hòa giải được nên mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng hơn và sau đó sống ly thân nhau đến nay. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chung sống cũng không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà P và ông P1 có với nhau 02 con chung tên Đỗ Minh K, sinh năm 2007 và Đỗ Minh K2, sinh năm 2011. Thời gian từ năm 2017 thì bà là người trực tiếp nuôi các con ăn học, nay Tòa án giải quyết việc ly hôn, bà đề nghị được tiếp tục nuôi các cháu, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà Chu Thị P2 là mẹ ruột ông P1: Bà xác định vợ chồng bà P trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, hiện các bên không còn chung sống với nhau, do ông P1 là người theo đạo công giáo nên không thể ly hôn; khi vợ chồng sống ly thân thì bà có phụ nuôi dạy hai cháu nội, nay bà có nguyện vọng Tòa giao cả hai cháu cho phía gia đình nội nuôi dưỡng.

Ý kiến đại diện khu phố nơi vợ chồng bà P sinh sống cho biết: Thời gian chung sống thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thời gian sau này do điều kiện hoàn cảnh gia đình nên đã sống ly thân nhau.

*Đôi với bị đơn ông Đỗ Kiến P1:*

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ông P1 đến tòa làm việc, hòa giải và yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng ông P1 đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đến nay ông P1 vẫn không đến tham gia phiên tòa.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Các đương sự cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thúy P và ông Đỗ Kiến P1 tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn mười năm và có hai con chung. Tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2017 do bất đồng trong cuộc sống chung, trong kinh tế gia đình nên vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn xung đột, mà không thể tự hòa giải hàn gắn được dẫn đến phải sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng là có thật

được đương sự thừa nhận và qua kết quả xác minh tại gia đình ông P1 và địa phương nơi vợ chồng sinh sống.

Ông P1 không đến Tòa là không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, tại Tòa bà P vẫn giữ yêu cầu được ly hôn do bà xác định hiện nay cả hai không còn chung sống. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông P1 là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như đã trình bày, khi ly hôn bà P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con là phù hợp với nguyện vọng của các con và điều kiện thực tế. Ý kiến của gia đình ông P1 là giao các cháu cho gia đình bên nội nuôi dưỡng là chưa phù hợp, vì con cái phải do mẹ hoặc cha trực tiếp nuôi dạy. Từ phân tích trên cần giao các con cho bà P nuôi, do không yêu cầu về cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà P được ly hôn với ông P1.

Về con chung: Giao hai cháu Đỗ Minh K, sinh năm 2007 và Đỗ Minh K2, sinh năm 2011 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông P1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P1 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà P nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000786 ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà P đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường Long Toàn, B;  
(Số A, Quyển A1/2006);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***(Đã ký)***

**Lê Hoàng Anh**